

Bản án số: **67** /2021/DS-ST
Ngày: 24 - 12 - 2021
V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Võ Văn Hoàng

Bùi Tuấn Khanh

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Võ Thanh Trung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST – DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần F.

Có trụ sở tại: Số 130, L, phường 3, quận N, TP. H.

- Người đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần F: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần F là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 11/QĐ HĐQT-DAB ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần F.

Ủy quyền cho ông: Phan Minh N, sinh năm 1979 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B, địa chỉ: 38A khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh E tham gia tố tụng theo Quyết định ủy quyền thường xuyên số 4276-/QĐ-DAB ngày 06/04/2019. (Có đơn xin vắng)

2. **Bị đơn** : Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2020, bản tự khai ngày 12/3/2021 và trong quá trình xét xử, người đại diện của ngân hàng Thương mại cổ phần F trình bày như sau:*

Vào ngày 21/09/2018 bà Nguyễn Thị M1 có ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00854838-0162162801T18004 với ngân hàng thương mại cổ F chi nhánh E. Số tiền vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay là 12%/năm, thời hạn vay là 18 tháng (từ ngày 21/09/2018 đến ngày 21/03/2018), tài sản thế chấp là tín chấp. Sau ngày giải ngân bà Nguyễn Thị M1 có đóng hoàn được số tiền là 15.136.245 đồng, trong đó tiền vốn trả là 12.244.740 đồng, lãi suất trả trong hạn là 2.605.260 đồng, tiền lãi suất trả quá hạn là 286.245 đồng. Tính đến ngày 12/03/2021 bà Nguyễn Thị M1 còn nợ ngân hàng F số tiền là 3.400.784 đồng, trong đó dư nợ gốc 2.755.260 đồng, tiền lãi trong hạn 94.740 đồng, tiền lãi quá hạn 550.784 đồng. Vì vậy, ngân hàng F khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M1 phải trả lại số tiền tính đến thời điểm 12/03/2021 là 3.400.784 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng) và tính lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng số 00854838-0162162801T18004 ngày 21/09/2018.

Ngày 03/11/2021 đại diện ngân hàng F có đơn xin vắng mặt

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị M1, tuy nhiên bà M1 không đến nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà M1.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M1 thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 306 Luật thương mại, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chấp nhận yêu cầu khởi kiện ngân hàng thương mại cổ phần F đối với bà Nguyễn Thị M1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bà Nguyễn Thị M1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần F số tiền tính đến ngày 12/03/2021 là 3.400.784 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng) trong đó dư nợ gốc 2.755.260 đồng, tiền lãi trong hạn 94.740 đồng, tiền lãi quá hạn 550.784 đồng. Bà Nguyễn Thị M1 còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 13/03/2021 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 00854838-0162162801T18004 ngày 21/09/2018. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn cư trú tại xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị M1 là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần F đối với bà Nguyễn Thị M1 về số tiền 3.400.784 đồng . Hội đồng xét xử xét thấy giữa ngân hàng F và bà Nguyễn Thị M1 có ký kết hợp đồng tín dụng số 00854838-0162162801T18004 ngày 21/09/2018 số tiền vay là 15.000.000 đồng. Phía ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong các điều khoản của hợp đồng nhưng bà Nguyễn Thị M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại bà M1 còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần F tính đến ngày 12/03/2021 với số tiền là 3.400.784 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng) trong đó dư nợ gốc 2.755.260 đồng, tiền lãi trong hạn 94.740 đồng, tiền lãi quá hạn 550.784 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần F đối với bà Nguyễn Thị M1 có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: bà Nguyễn Thị M1 còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 13/03/2021 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 00854838-0162162801T18004 ngày 21/09/2018.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần F được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị M1 phải chịu án phí không có giá ngạch là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 306 Luật thương mại, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ngân hàng thương mại cổ phần F đối với bà Nguyễn Thị M1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị M1 phải liên đới trả cho ngân hàng thương mại cổ phần F số tiền tính đến ngày 12/03/2021 là 3.400.784 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng) trong đó dư nợ gốc 2.755.260 đồng, tiền lãi trong hạn 94.740 đồng, tiền lãi quá hạn 550.784 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị M1 còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 13/03/2021 theo mức lãi suất trong hợp đồng hạn mức tín dụng số 00854838-0162162801T18004 ngày 21/09/2018.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Nguyễn Thị M1 phải chịu án phí không có giá ngạch là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ngân hàng thương mại cổ phần F số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006217 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần F, bị đơn bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương